

Số: 34/2020/QĐST-HNGĐ

Y, ngày 29 tháng 12 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 71/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N; Sinh năm 1991; Nghề nghiệp: Giáo viên; Dân tộc: Tày;

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Anh Tô Văn Q; Sinh năm: 1987; Nghề nghiệp: Giáo viên; Dân tộc: Tày.

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 12 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị N và anh Tô Văn Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Tô Văn Q nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Trần Thị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Tô Bích D, sinh ngày 20/3/2014, anh Tô Văn Q cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000<sup>d</sup> (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 1 năm 2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị N là người nhận và quản lý tiền cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ ngày 29/12/2020.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- Về tài sản chung: Ghi nhận sự thoả thuận giữa chị Trần Thị N và anh Tô Văn Q tại Biên bản thoả thuận chia tài sản chung của vợ chồng ngày 26/11/2020 được ký kết

giữa chị Trần Thị N và anh Tô Văn Q có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang, cụ thể:

Anh Tô Văn Q được quyền sở hữu và sử dụng 50% giá trị của thửa đất có diện tích 108.9m<sup>2</sup> trong đó đất ở là 50m<sup>2</sup>, đất trồng cây hàng năm khác 58.9m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số: 68 tờ bản đồ số: 59; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CG 459071 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang cấp ngày 21/6/2017 cho anh Tô Văn Q và chị Trần Thị N; địa chỉ thửa đất: thôn Khuân Áng, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang và 50% giá trị của ngôi nhà xây 01 tầng có diện tích sử dụng 80m<sup>2</sup> được xây dựng từ năm 2017 trên thửa đất có diện tích 108.9m<sup>2</sup> nêu trên; đối với 50% giá trị của ngôi nhà và thửa đất phần chị N được hưởng, chị N để lại cho con chung là cháu Tô Bích D, sinh ngày 20/3/2014, hiện cháu D còn nhỏ nên giao lại khối tài sản là 50% giá trị nhà và 50% giá trị thửa đất nêu trên cho anh Q quản lý sử dụng đến khi con chung là cháu Tô Bích D đủ 18 tuổi, anh Q và chị N có trách nhiệm làm thủ tục chuyển nhượng 50% giá trị của ngôi nhà và 50% giá trị thửa đất tại thời điểm đó cho cháu Tô Bích D quản lý sử dụng. Trong quá trình được giao quản lý, sử dụng anh Q không được tự ý chuyển nhượng, tặng cho, cầm cố, góp vốn đối với 50% giá trị của ngôi nhà và 50% giá trị thửa đất là phần tài sản chung của vợ chồng đã được chia cho cháu Tô Bích D.

- Về công nợ chung: Chị Trần Thị N và anh Tô Văn Q xin tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, tổng số tiền là 300.000<sup>d</sup> được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hà Giang theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BB/2010/04212 ngày 01/12/2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7<sup>a</sup> và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THA DS huyện Y;
- Các đương sự;
- UBND xã L, huyện V, tỉnh Hà Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký và đóng dấu)

**Đoàn Ngọc Vĩnh**

